

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LẬP HÀNH LANG
BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Định mức kinh tế - kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước áp dụng cho các công việc sau: 1. Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. 2. Xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. 3. Thực hiện cấm mốc giới hành lang bảo vệ.	Điều này quy định phạm vi điều chỉnh của dự thảo Định mức kinh tế - kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến lập hành lang bảo vệ nguồn nước.	Điều này quy định các đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định ban hành Định mức
Điều 3. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật Căn cứ Luật Tài nguyên nước, căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan	Điều 3. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật 1. Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15; 3. Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;	Căn cứ các quy định tại các luật, nghị định, thông tư và quyết định có liên quan

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	4. Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2009/NĐ-CP, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP, Nghị định số 17/2013/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP; 5. Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; 6. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; 7. Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; 8. Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; 9. Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước; 10. Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; 11. Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường; 12. Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	13. Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường; 14. Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước; 15. Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; 16. Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước; 17. Hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 13257/BTC-HCSN ngày 22/11/2021 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ (trong đó thẩm quyền ban hành văn bản theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. 18. Công văn số 8875/BTNMT-TNN ngày 17/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước. 19. Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNMT ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	
Điều 4. Quy định viết tắt	Điều 4. Quy định viết tắt Quy định các chữ viết tắt	Quy định các chữ viết tắt trong toàn bộ dự thảo Quyết định ban hành định mức
Điều 5. Quy định về sử dụng định mức Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của	Điều 5. Quy định về sử dụng định mức 1. Các nội dung không có trong định mức a) Khảo sát, đo đạc mực nước, lưu lượng, mặt cắt sông, suối;	Căn cứ các công việc quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước	b) Chi phí thuê tàu, thuyền phục vụ đo đạc; c) Thuê phương tiện lấy mẫu chất lượng nước mặt; vận chuyển mẫu phân tích chất lượng nước từ vùng điều tra về cơ sở phân tích; d) Phân tích các chỉ tiêu chất lượng nước trong phòng thí nghiệm; đ) Vận chuyển nhân công, vật liệu, dụng cụ và máy móc, thiết bị từ trụ sở đơn vị thi công đến vùng điều tra và ngược lại; e) Chi phí bồi thường, bồi hoàn, hỗ trợ, tái định cư; g) Thẩm định hồ sơ sản phẩm dự án; h) Thiết bị trộn vữa, đúc móng, ép cọc; i) Chi phí kiểm tra, nghiệm thu; k) In, nhân sao, giao nộp sản phẩm. 2. Điều kiện áp dụng a) Điều kiện áp dụng đối với lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ Định mức được tính cho vùng chuẩn có điều kiện áp dụng như sau: - Vùng dự án có diện tích 100 km²; - Vùng đồng bằng, điều kiện đi lại thuận lợi; - Vùng có mật độ sông suối từ 0,5 - < 1,0 km/km²; - Vùng dự án có 11 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã. b) Điều kiện áp dụng đối với xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ Định mức được tính cho vùng chuẩn có điều kiện áp dụng như sau: - Vùng dự án có diện tích 100 km²; - Vùng đồng bằng, điều kiện đi lại thuận lợi; - Vùng có mật độ sông suối từ 0,5 - < 1,0 km/km²; - Vùng dự án có 11 đến 20 đơn vị hành chính cấp xã. c) Điều kiện áp dụng đối với thực hiện cắm mốc giới hành lang bảo vệ	Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về quy định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước để xác định các công việc không có trong định mức, điều kiện áp dụng và các hệ số áp dụng.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Định mức được tính cho vùng chuẩn: - Vùng đồng bằng, điều kiện đi lại thuận lợi; - Áp dụng thi công: 01 mốc giới. - Điều kiện khoảng cách giữa 02 mốc: ≤ 200 m. 3. Các hệ số điều chỉnh	
Điều 6. Các Quy định khác	Điều 6. Các quy định khác 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thành phần sau: định mức lao động; định mức sử dụng máy móc, thiết bị; định mức dụng cụ lao động; định mức tiêu hao vật liệu; định mức tiêu hao năng lượng; định mức tiêu hao nhiên liệu. 2. Định mức lao động: a) Nội dung công việc: liệt kê mô tả nội dung công việc, các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện công việc; b) Phân loại khó khăn, xác định các yếu tố cơ bản như mức độ phức tạp của địa hình và các điều kiện khác liên quan đến thực hiện công việc; xác định các mức khó khăn khác với điều kiện chuẩn; c) Định biên: mô tả thành phần, vị trí và cấp bậc lao động trong từng công đoạn của chu trình công việc đến khi tạo ra sản phẩm. d) Định mức: là hao phí thời gian lao động trực tiếp cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, một bước công việc hoặc một công việc cụ thể; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm trên một đơn vị sản phẩm. đ) Công nhóm: là công lao động xác định cho một nhóm lao động trực tiếp thực hiện một sản phẩm hoặc bước công việc tạo ra sản phẩm. Thời gian lao động đối với một ngày công là 08 giờ làm việc đối với lao động bình thường và 06 giờ làm việc đối với công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thời gian nghỉ được hưởng nguyên lương đối với lao động trực tiếp, bao gồm: nghỉ phép, nghỉ tăng thêm theo thâm niên (nếu có), nghỉ lễ tết, nghỉ hội họp, học tập, tập huấn) được tính là 34 ngày trên tổng số 312 ngày làm việc của một (01) năm.	Căn cứ theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường để quy định các định nghĩa về định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Định mức dụng cụ lao động; Định mức tiêu hao vật liệu; Định mức tiêu hao năng lượng; Định mức tiêu hao nhiên liệu và quy định cách tính mức khi thực hiện đối với các khu vực khác với điều kiện chuẩn.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	3. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị Được tính bằng số ca máy trực tiếp sử dụng để tạo ra một đơn vị sản phẩm hoặc bước công việc tạo ra sản phẩm. Thời hạn sử dụng máy móc, thiết bị: đối với máy móc, thiết bị là tài sản cố định, thời hạn sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính. 4. Định mức dụng cụ lao động Định mức dụng cụ lao động là hao phí về dụng cụ lao động được sử dụng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm trong điều kiện chuẩn; thời hạn sử dụng dụng cụ tính là tháng và theo quy định của pháp luật hiện hành. 5. Định mức tiêu hao vật liệu Mức tiêu hao cho từng loại vật liệu để tạo ra một đơn vị sản phẩm hoặc một bước công việc tạo ra sản phẩm; đơn vị tính theo đơn vị của từng loại vật liệu/đơn vị sản phẩm; 6. Định mức tiêu hao năng lượng Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, máy móc, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất và định mức dụng cụ, thiết bị và được tính theo công thức: Định mức điện = (công suất thiết bị/giờ × 08 giờ làm việc × số ca sử dụng máy móc, thiết bị) + 05% hao hụt. 7. Định mức tiêu hao nhiên liệu Theo công suất máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ có sử dụng nhiên liệu và thời gian thực hiện để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm hoặc một bước công việc tạo ra sản phẩm; 8. Cách tính mức	
Điều 7. Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ Căn cứ quy định tại Điều 4-Điều 9, Mục 1 Chương II, Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024	Điều 7. Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ 1. Định mức lao động a) Nội dung công việc - Thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin liên quan.	1. Về Nội dung công việc: Căn cứ quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	+ Nghiên cứu mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi, đối tượng, thời gian, nội dung khối lượng, phương pháp áp dụng trong thực hiện lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo đề cương phê duyệt; + Thu thập, tổng hợp các tài liệu liên quan đến vùng điều tra; + Rà soát, thống kê, đánh giá tính đầy đủ, mức độ tin cậy của các tài liệu đã thu thập; + Thống kê, lập danh mục các thông tin, dữ liệu, tài liệu thu thập. - Điều tra, khảo sát phục vụ lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. + Chuẩn bị: Nhận nhiệm vụ điều tra thực địa; Xác định nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra thực địa (nghiên cứu nhiệm vụ điều tra thực địa và các tài liệu liên quan; nghiên cứu các loại bản đồ, xem xét sự phân bố của các khu dân cư, xác định các đối tượng cần tập trung điều tra và sơ bộ khoanh vùng phạm vi tập trung điều tra trên bản đồ); Lập kế hoạch, phương án, lộ trình đi điều tra tại thực địa: lập kế hoạch chi tiết cho việc triển khai lộ trình điều tra; vạch tuyến lộ trình và thể hiện trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoặc bản đồ địa chính (tại khu vực có bản đồ địa chính); xây dựng phương án bố trí nhân lực, phương án di chuyển máy móc thiết bị trong quá trình điều tra thực địa; Chuẩn bị nhân công, vật liệu, dụng cụ và máy móc, thiết bị và tài liệu điều tra: chuẩn bị trang thiết bị phục vụ công tác điều tra; lắp đặt, kiểm tra, hiệu chuẩn, kiểm định và thử nghiệm hoạt động của máy móc trước khi đi điều tra thực địa; chuẩn bị tài liệu, giấy tờ cần thiết và phiếu điều tra; chuẩn bị các trang thiết bị, đồ bảo hộ lao động; đóng gói thiết bị, tài liệu, dụng cụ, vật tư để phục vụ cho công tác vận chuyển tới nơi tập kết tại hiện trường; + Tiến hành điều tra thực địa: Điều tra, thu thập, cập nhật bổ sung dữ liệu tại các cơ quan có liên quan ở địa phương: đặc điểm nguồn nước mặt, hiện trạng khai thác sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước, hiện trạng tiêu thoát nước; hiện trạng chất lượng nước mặt và tình hình ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; danh mục hồ, ao không được san lấp; các đập, hồ	định kỹ thuật lập hành lang bảo vệ nguồn nước. 2. Về định biên Chức danh và cấp bậc cho từng đối tượng lao động được xác định trên cơ sở mục tiêu, nội dung, phạm vi thực hiện từng công việc. Quy định sắp xếp lao động, cấp bậc lương và tham khảo tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức, công chức ngành tài nguyên môi trường như Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường và Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2015 của liên bộ Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ về việc quy định

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chứa thủy điện, thủy lợi và hồ chứa khác trên sông, suối; tình hình phát triển kinh tế, xã hội; các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển các ngành kinh tế trong khu vực ảnh hưởng đến tài nguyên nước; hiện trạng sử dụng đất, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội khu vực ven nguồn nước; công tác quản lý tài nguyên nước, các vấn đề nổi cộm liên quan đến khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước; các công trình xây dựng (bao gồm công trình nổi, công trình ngầm, hệ thống hạ tầng kỹ thuật) khu vực ven nguồn nước; bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ địa chính; Đi theo lộ trình điều tra tổng hợp theo các tuyến đã xác định dọc hai bên bờ và tuyến vuông góc với sông, suối, kênh, mương; đi khảo sát xung quanh các đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi, các ao, hồ thuộc danh mục không được san lấp để quan sát, mô tả, chụp ảnh sơ họa, thu thập thông tin về đặc điểm, đặc trưng hình thái sông, suối, kênh, mương, đặc điểm ao, hồ. Khảo sát, đo đạc, lên vị trí trên bản đồ nhằm phục vụ xác định đường mép bờ: xác định hiện trạng, vị trí đường mép nước, địa hình khu vực đối với đoạn sông, suối, kênh, mương không có đê, kè; đỉnh bờ kè đối với sông, suối, kênh, mương đã được kè bờ; mực nước cao nhất đối với ao, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo (không phải là hồ chứa thủy điện, thủy lợi). Tiến hành điều tra chi tiết đối với các đoạn sông, suối, kênh, mương: xác định tên nguồn nước, vị trí hành chính, tọa độ các vị trí điểm đầu, điểm cuối; chiều dài đoạn sông, suối, kênh, mương; hướng dòng chảy; chức năng của nguồn nước; quan sát, mô tả, chụp ảnh, sơ họa, thu thập thông tin về địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường, sinh thái; diễn biến lòng dẫn, bờ sông, suối, kênh, mương tại khu vực khảo sát; các hoạt động khai thác, sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước; tình hình dân cư sinh sống ở ven nguồn nước; các công trình cơ sở hạ tầng ven nguồn nước; Tiến hành điều tra chi tiết đối với các nguồn nước có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch: xác định tên nguồn nước, vị trí hành chính, tọa độ các vị trí điểm đầu, điểm cuối; chức năng nguồn nước, các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học và phát triển du lịch và các thông tin khác có liên quan;	mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường và Hệ số lương được áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004. Ngoài ra, để đảm bảo tính thực tế, trong quá trình thực hiện đã rà soát nhân lực về điều tra viên tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. 3. Định mức lao động công nghệ: là thời gian cần thiết để thực hiện từng bước công việc cụ thể. Theo đó, chi tiết từng bước công việc thực hiện để tổng hợp thành định mức cho nhóm công việc. 4. Thuyết minh cách tính định mức kinh tế - kỹ thuật vật liệu, dụng cụ, thiết bị Căn cứ vào tiêu chuẩn sử dụng vật liệu, dụng cụ, thiết

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Tiến hành điều tra, thu thập thông tin chi tiết đối với hồ, ao không được san lấp: tên, vị trí hành chính, tọa độ, diện tích mặt nước hồ, ao; đơn vị quản lý; chức năng của hồ, ao; quan sát, chụp ảnh, sơ họa, mô tả đặc điểm hồ, ao và tình trạng bờ, tình hình sạt lở xung quanh bờ, các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa và bảo vệ, phát triển hệ sinh thái tự nhiên; Tiến hành điều tra chi tiết đối với đập, hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trên sông, suối: xác định tên công trình, loại công trình, vị trí hành chính, tọa độ vị trí các hạng mục công trình chính, tên nguồn nước khai thác; các thông số chủ yếu của công trình về mục đích sử dụng nước, dung tích, diện tích tưới, công suất lắp máy, lưu lượng khai thác, đơn vị quản lý, thông tin về giấy phép khai thác và các thông tin khác có liên quan; quan sát, chụp ảnh, sơ họa, mô tả tình hình dân cư sinh sống ở ven công trình; Chỉnh lý số liệu điều tra thực địa, bảo dưỡng thiết bị máy móc hàng ngày: kiểm tra, chỉnh lý tài liệu, số liệu điều tra thực địa trong ngày (phiếu điều tra thực địa, sổ nhật ký điều tra và các tài liệu khác có liên quan); rà soát, kiểm tra nội dung, khối lượng các công việc đã thực hiện ngoài thực địa; điều chỉnh kế hoạch, phương án đi lộ trình điều tra; điều chỉnh, bổ sung khối lượng, nội dung công việc điều tra thực địa (nếu cần); kiểm tra, hiệu chỉnh máy móc thiết bị phục vụ công tác điều tra sau mỗi ngày làm việc. + Tổng hợp, chỉnh lý, hoàn thiện kết quả điều tra thực địa và giao nộp sản phẩm: Chỉnh lý, hoàn thiện các dữ liệu, thông tin thu thập và kết quả điều tra thực địa; Nhập kết quả điều tra vào máy tính; Xử lý, chỉnh lý tổng hợp các dữ liệu, thông tin, kết quả điều tra; Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, sơ đồ các tuyến và vị trí các điểm điều tra trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất hoặc bản đồ địa chính; các biểu, bảng thống kê tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát và đề xuất các vị trí dự kiến cắm mốc; Hoàn chỉnh hồ sơ, tài liệu kết quả điều tra và bàn giao sản phẩm. - Tổng hợp, chỉnh lý số liệu thu thập và điều tra thực địa	bị để tính cho từng nội dung công việc 5. Thuyết minh cách tính định mức kinh tế - kỹ thuật năng lượng, nhiên liệu Căn cứ theo công suất của thiết bị và tiêu hao chuẩn của thiết bị

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	+ Rà soát, phân loại, các dữ liệu, thông tin thu thập và điều tra thực địa phục vụ cho việc đánh giá, theo các nhóm sau; + Đánh giá độ tin cậy của các số liệu, tài liệu thu thập và lựa chọn, lập danh mục các tài liệu phục vụ cho việc đánh giá theo nội dung yêu cầu; + Nhập số liệu vào máy tính, kiểm tra, đồng bộ hóa dữ liệu; + Xử lý, tổng hợp dữ liệu, thông tin và xây dựng các biểu, bảng, đồ thị; + Tổng hợp, phân loại và lập Danh mục nguồn nước theo các nhóm đã rà soát, phân loại. - Xác định chức năng, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. + Xác định chức năng hành lang bảo vệ nguồn nước; - Đối với chức năng bảo vệ sự ổn định của bờ và phòng, chống lấn chiếm đất ven nguồn nước; - Đối với chức năng phòng, chống các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái nguồn nước; - Đối với chức năng bảo vệ sông, suối, kênh có chức năng bảo vệ sự phát triển hệ sinh thái thủy sinh, các loài động, thực vật tự nhiên ven nguồn nước; - Đối với chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hóa, đa dạng sinh học, phát triển du lịch liên quan đến nguồn nước. + Xác định chức năng của hành lang bảo vệ nguồn nước cho toàn bộ hành lang hoặc từng đoạn hành lang. + Xác định phạm vi hành lang bảo vệ của từng nguồn nước; + Chuẩn bị thông tin, dữ liệu, lập sơ đồ các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; + Lập sơ đồ các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. - Tổng hợp nội dung Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. + Xây dựng nội dung Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; + Chuẩn bị đầy đủ thông tin, số liệu để thể hiện được phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở khu vực theo quy định. - Lập hồ sơ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và hồ sơ phục vụ thẩm định, nghiệm thu sản phẩm lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH																																																					
	+ Lập hồ sơ phục vụ lấy ý kiến, trình phê duyệt Danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước; + Lập hồ sơ phục vụ thẩm định, nghiệm thu sản phẩm lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. b) Phân loại khó khăn Khi vùng dự án khác với quy định tại khoản 2 Điều 5 Chương I Định mức này thì áp dụng các hệ số điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Chương I Định mức này, gồm hệ số điều chỉnh theo mức độ khó khăn: K_{dh}, K_{md} và K_{hc}. c) Định biên Bảng số 01 <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung công việc</th><th colspan="5">Định biên</th><th rowspan="2">Số lượng nhóm</th></tr><tr><th>ĐTV6</th><th>ĐTV5</th><th>ĐTV4</th><th>ĐTV3</th><th>LX7</th></tr><tr><td>1</td><td>Bước 1. Thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin liên quan</td><td></td><td></td><td>1</td><td>2</td><td></td><td>3</td></tr><tr><td>2</td><td>Bước 2. Điều tra, khảo sát phục vụ lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ</td><td></td><td></td><td>1</td><td>2</td><td>1</td><td>4</td></tr><tr><td>3</td><td>Bước 3. Tổng hợp, chỉnh lý số liệu thu thập và điều tra thực địa</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>2</td><td></td><td>5</td></tr><tr><td>4</td><td>Bước 4. Xác định chức năng, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>2</td><td></td><td>5</td></tr><tr><td>5</td><td>Bước 5. Tổng hợp nội dung Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ</td><td>1</td><td>1</td><td>1</td><td>2</td><td></td><td>5</td></tr></table>	STT	Nội dung công việc	Định biên					Số lượng nhóm	ĐTV6	ĐTV5	ĐTV4	ĐTV3	LX7	1	Bước 1. Thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin liên quan			1	2		3	2	Bước 2. Điều tra, khảo sát phục vụ lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ			1	2	1	4	3	Bước 3. Tổng hợp, chỉnh lý số liệu thu thập và điều tra thực địa	1	1	1	2		5	4	Bước 4. Xác định chức năng, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	1	1	1	2		5	5	Bước 5. Tổng hợp nội dung Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ	1	1	1	2		5	
STT	Nội dung công việc			Định biên						Số lượng nhóm																																													
		ĐTV6	ĐTV5	ĐTV4	ĐTV3	LX7																																																	
1	Bước 1. Thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin liên quan			1	2		3																																																
2	Bước 2. Điều tra, khảo sát phục vụ lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ			1	2	1	4																																																
3	Bước 3. Tổng hợp, chỉnh lý số liệu thu thập và điều tra thực địa	1	1	1	2		5																																																
4	Bước 4. Xác định chức năng, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước	1	1	1	2		5																																																
5	Bước 5. Tổng hợp nội dung Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ	1	1	1	2		5																																																

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN							THUYẾT MINH
	6	Bước 6. Lập hồ sơ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và hồ sơ phục vụ thẩm định, nghiệm thu sản phẩm lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ	1	1	1	2		5
	d) Định mức Bảng số 02							
	STT	Nội dung công việc	ĐVT		Định mức			
	1	Bước 1. Thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin liên quan.	100km ²		2,5			
	2	Bước 2. Điều tra, khảo sát phục vụ lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	100km ²		13			
	3	Bước 3. Tổng hợp, chỉnh lý số liệu thu thập và điều tra thực địa.	100km ²		4,5			
	4	Bước 4. Xác định chức năng, phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.	100km ²		6			
	5	Bước 5. Tổng hợp nội dung Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	100km ²		7			
	6	Bước 6. Lập hồ sơ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và hồ sơ phục vụ thẩm định, nghiệm thu sản phẩm lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	100km ²		3			
		Tổng cộng			36			
2. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị Bảng số 03								

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN						THUYẾT MINH
	STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (100km ²)		
					Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	
	1	Điều hòa 2 chiều 12000 BTU - 2,2 kW	Bộ	96		7,7	
	2	Máy Fax - 0,06 kW	Bộ	60		1,9	
	3	Máy hút ẩm - 0,06 kW	Cái	60		1,9	
	4	Máy in A4 - 0,5 kW	Cái	60		1	
	5	Máy in màu A3 - 0,5 kW	Cái	60		1	
	6	Máy Scan A4 - 0,02 kW	Cái	60		1,5	
	7	Máy Scan A3 - 0,5 kW	Cái	60		1	
	8	Máy tính - 0,6 kW	Cái	60		9,6	
	9	Máy in màu A0 - 0,8 kW	Cái	60		1	
	10	Máy Photocopy - 1 kW	Cái	96		1	
	11	Máy tính xách tay - 0,04 kW	Cái	60	13		
	12	Máy GPS cầm tay	Cái	96	6,5		
	13	Ô tô bán tải	Cái	180	13		
3. Định mức dụng cụ lao động							
Bảng số 04							
	STT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (100km ²)		
					Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	
	1	Ba lô	Cái	36	26		
	2	Bàn làm việc	Cái	96		55,2	
	3	Bình đựng nước uống	Cái	96	26		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN						THUYẾT MINH
	4	Giày BHLĐ	Đôi	36	39		
	5	Mũ BHLĐ	Cái	36	39		
	6	Quạt điện cây - 0,06 kW	Cái	60		7,67	
	7	Quần áo BHLĐ	Bộ	36	39		
	8	Quần áo mưa	Bộ	36	13		
	9	Thiết bị đun nước - 0,7 kW	Cái	60		3,83	
	10	Tủ đựng tài liệu	Cái	96		15,33	
	11	Ủng BHLĐ	Đôi	24	13		
	12	USB	Cái	24	3,25	11,5	
	4. Định mức tiêu hao vật liệu						
	Bảng số 05						
	STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức (100km²)			
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp		
1	Băng dính giấy màu 5cm	Cuộn	0,10	0,50			
2	Bìa kính A4	ram	0,03	0,15			
3	Bút bi	hộp	2,00	2,50			
4	Bút chì	hộp	2,00	2,50			
5	Bút nhớ dòng	hộp		1,00			
6	Ghim dập	Cái		1,50			
7	Ghim vòng	Hộp		1,00			
8	Giấy A3	ram	0,05	0,25			
9	Giấy A4	ram	0,20	1,00			
10	Hộp đựng tài liệu	cái		1,00			

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN					THUYẾT MINH
	11	Mực in A3 Laser	Hộp		0,08	
	12	Mực in A4 Laser	Hộp		0,33	
	13	Mực photocopy	Hộp		0,11	
	14	Pin 1.5V	viên	1,00	-	
	15	Sổ ghi chép	quyển		1,50	
	16	Sổ Nhật ký	quyển	0,80	-	
	5. Định mức tiêu hao năng lượng					
	Bảng số 06					
	STT	Danh mục năng lượng	ĐVT	Định mức (100 km ²)		
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	
	1	Điện năng	kW	4,37	245,14	
	6. Định mức tiêu hao nhiên liệu					
	Bảng số 07					
	STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Định mức (100 km ²)		
				Ngoại nghiệp		
	1	Dầu diesel	Lít	55,9		
Điều 8. Xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	Điều 8. Xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước					
Điều 11 đến Điều 14, Mục 2, Chương II, Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024	1. Định mức lao động					
	a) Nội dung công việc					
	- Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.					
	+ Nghiên cứu nhiệm vụ, xác định vị trí các điểm dự kiến cấm mốc trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất;					
	+ Khảo sát khu vực cấm mốc giới hành lang bảo vệ đối với các nguồn nước;					

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	+ Khảo sát, thu thập dữ liệu địa hình, xác định các vị trí cấm mốc giới. - Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. + Thông tin, dữ liệu về hiện trạng phát triển kinh tế xã hội và các quy hoạch có liên quan; quản lý tài nguyên nước, các vấn đề trong khai thác tài nguyên nước mặt và các thông tin, tài liệu khác có liên quan; + Thông tin, dữ liệu về địa hình, địa chất khu vực; tình hình sạt lở, tình hình khai thác của các công trình khai thác nước để cấp nước cho sinh hoạt; hiện trạng dân sinh, công trình xây dựng, các tài sản gắn liền với đất trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; điều kiện cung cấp vật tư, vật liệu trong việc cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; hiện trạng các hành lang bảo vệ có liên quan trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước; + Tổng hợp, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ lập hồ sơ xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước: đối tượng được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có); điều kiện phục vụ việc thi công cấm mốc (vật tư, vật liệu, trang thiết bị, nhân lực); giải pháp kỹ thuật để triển khai trên hiện trường. - Lập hồ sơ trình phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và hồ sơ sản phẩm phục vụ thẩm định, nghiệm thu. + Xây dựng nội dung phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; + Chuẩn bị hồ sơ phục vụ trình phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước, gồm: dự thảo tờ trình; dự thảo quyết định phê duyệt kèm theo phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan; + Lập hồ sơ phục vụ thẩm định, nghiệm thu sản phẩm xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. b) Phân loại khó khăn	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH																																												
	Khi vùng dự án khác với quy định tại khoản 2 Điều 5 Chương I Định mức này thì áp dụng các hệ số điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Chương I Định mức này, gồm hệ số điều chỉnh theo mức độ khó khăn: K_{dh}, K_{md} và K_{hc}. c) Định biên <i>Bảng số 08</i> <table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung công việc</th><th colspan="4">Định biên lao động</th><th rowspan="2">Số lượng nhóm</th></tr><tr><th>ĐTV6</th><th>ĐTV4</th><th>ĐTV3</th><th>LX7</th></tr><tr><td>1</td><td>Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước</td><td>1</td><td>2</td><td>1</td><td>1</td><td>5</td></tr><tr><td>2</td><td>Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước</td><td>1</td><td>2</td><td>1</td><td></td><td>4</td></tr><tr><td>3</td><td>Lập hồ sơ trình phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và hồ sơ sản phẩm phục vụ thẩm định, nghiệm thu</td><td>1</td><td>2</td><td>1</td><td></td><td>4</td></tr></table> d) Định mức <i>Bảng số 09</i> <table><tr><th>STT</th><th>Nội dung công việc</th><th>ĐVT</th><th>Định mức</th></tr><tr><td>1</td><td>Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước</td><td>100km²</td><td>5</td></tr><tr><td>2</td><td>Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước</td><td>100km²</td><td>3</td></tr></table>	STT	Nội dung công việc	Định biên lao động				Số lượng nhóm	ĐTV6	ĐTV4	ĐTV3	LX7	1	Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	1	2	1	1	5	2	Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	1	2	1		4	3	Lập hồ sơ trình phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và hồ sơ sản phẩm phục vụ thẩm định, nghiệm thu	1	2	1		4	STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định mức	1	Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	100km ²	5	2	Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	100km ²	3	
STT	Nội dung công việc			Định biên lao động					Số lượng nhóm																																					
		ĐTV6	ĐTV4	ĐTV3	LX7																																									
1	Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	1	2	1	1	5																																								
2	Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	1	2	1		4																																								
3	Lập hồ sơ trình phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và hồ sơ sản phẩm phục vụ thẩm định, nghiệm thu	1	2	1		4																																								
STT	Nội dung công việc	ĐVT	Định mức																																											
1	Điều tra, khảo sát khu vực và xác định vị trí cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	100km ²	5																																											
2	Tổng hợp, xử lý, phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	100km ²	3																																											

QUY PHẠM
PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

DỰ THẢO VĂN BẢN

3

Lập hồ sơ trình phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước và hồ sơ sản phẩm phục vụ thẩm định, nghiệm thu

100km₂

3

2. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 10

STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (100km ²)	
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp
1	Điều hòa 2 chiều 12000 BTU - 2,2 kW	Bộ	96		2,00
2	Máy Fax - 0,06 kW	Bộ	60		0,50
3	Máy hút ẩm - 0,06 kW	Cái	60		0,50
4	Máy in A4 - 0,5 kW	Cái	60		0,30
5	Máy in màu A3 - 0,5 kW	Cái	60		0,30
6	Máy Scan A4 0,02 kW	Cái	60		0,40
7	Máy Scan A3 - 0,5 kW	Cái	60		0,30
8	Máy tính 0,6 kW	Cái	60		2,5
9	Máy in màu A0 - 0,8 kW	Cái	60		0,3
10	Máy Photocopy - 1 kW	Cái	96		0,3
11	Máy tính xách tay - 0,04 kW	Cái	60	6,30	
12	Máy GPS cầm tay	Cái	96	3,1	
13	Ô tô bán tải	Cái	180	5	

3. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 11

THUYẾT MINH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN						THUYẾT MINH
	STT	Danh mục dụng cụ	ĐV T	Thời hạn (tháng)	Định mức (100km ²)		
					Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	
	1	Ba lô	Cái	36	13		
	2	Bàn làm việc	Cái	96		18,00	
	3	Bình đựng nước uống	Cái	96	13		
	4	Giày BHLĐ	Đôi	36	19		
	5	Mũ BHLĐ	Cái	36	19		
	6	Quạt điện cây - 0,06 kW	Cái	60		2,00	
	7	Quần áo BHLĐ	Bộ	36	19		
	8	Quần áo mưa	Bộ	36	6,00		
	9	Thiết bị đun nước - 0,7 kW	Cái	60		1	
	10	Tủ đựng tài liệu	Cái	96		6	
	11	Ủng BHLĐ	Đôi	24	6,00		
	12	USB	Cái	24	1,50	3	
	4. Định mức tiêu hao vật liệu						
	Bảng số 12						
	STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức (100km ²)			
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp		
	1	Băng dính gáy màu 5cm	Cuộn		0,20		
	2	Bìa kính A4	Gram	0,01	0,05		
	3	Bút bi	hộp	0,80	0,50		
	4	Bút chì	hộp	0,80	0,50		
	5	Bút nhớ dòng	hộp		0,25		
	6	Ghim dập	Cái		0,50		

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN					THUYẾT MINH
	7	Ghim vòng	Hộp		0,25	
	8	Giấy A3	ram	0,02	0,05	
	9	Giấy A4	ram	0,06	0,20	
	10	Hộp đựng tài liệu	cái		1,00	
	11	Mực in A3 Laser	Hộp		0,02	
	12	Mực in A4 Laser	Hộp		0,07	
	13	Mực photocopy	Hộp		0,02	
	14	Pin 1.5V	viên	1,00	-	
	15	Sổ ghi chép	quyển		0,25	
	16	Sổ Nhật ký	quyển	0,40	-	
	5. Định mức tiêu hao năng lượng					
	Bảng số 13					
	STT	Danh mục năng lượng	ĐVT	Định mức (100km ²)		
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	
	1	Điện năng	KW	2,12	65,34	
	6. Định mức tiêu hao nhiên liệu					
	Bảng số 14					
STT	Danh mục	ĐVT	Định mức (100km ²)			
1	Dầu diesel	Lít	21,5			
Điều 9. Thực hiện cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	Điều 9. Thực hiện cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước					
	1. Định mức lao động					
	a) Nội dung công việc					
	- Công tác chuẩn bị thực hiện cấm mốc giới					

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 15 đến Điều 19, Mục 3, Chương II, Thông tư số 23/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024	+ Chuẩn bị nhân lực, máy móc, thiết bị, vật dụng, sơ đồ mặt bằng phạm vi cụ thể của hành lang bảo vệ nguồn nước theo phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đã được phê duyệt. + Chuẩn bị mốc. - Thi công cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. + Đưa vị trí tọa độ cấm mốc giới trên bản đồ chuyển ra thực địa.; + Đánh dấu phục vụ thi công: vị trí các mốc ngoài hiện trường được đánh dấu bằng cọc tạm có thể dùng cọc tre, cọc gỗ đảm bảo ổn định trong quá trình triển khai thi công chôn mốc; + Lập bản mô tả hành lang bảo vệ nguồn nước: nội dung mô tả bao gồm hiện trạng trên thực địa; vị trí và khoảng cách giữa các mốc; các điểm đặc trưng đã được xác định trên thực địa; + Thi công cấm mốc giới: tiến hành thi công, đặt mốc giới và lập sơ đồ vị trí mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; + Đo tọa độ mốc giới. - Lập hồ sơ sản phẩm phục vụ kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao mốc giới. - Cập nhật, bổ sung mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước sau khi bản đồ địa chính được thành lập. b) Phân loại khó khăn Khi vùng dự án khác với quy định tại khoản 2 Điều 5 Chương I Định mức này thì áp dụng các hệ số điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Chương I Định mức này, gồm hệ số điều chỉnh theo mức độ khó khăn: $K_{đh}$. c) Định biên <i>Bảng số 15</i>	

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN					THUYẾT MINH
	STT	Nội dung công việc	Định biên lao động			Số lượng nhóm
			ĐTV4	ĐTV3	LX7	
	1	Công tác chuẩn bị thực hiện cắm mốc giới		1		1
	2	Thi công cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	1	1	1	3
	3	Lập hồ sơ sản phẩm phục vụ kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao mốc giới	1	1		2
	4	Cập nhật, bổ sung mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước sau khi bản đồ địa chính được thành lập		1		1
	d) Định mức					
	Bảng số 16					
	STT	Nội dung công việc	ĐVT		Định mức	
	1	Công tác chuẩn bị thực hiện cắm mốc giới	1 mốc		1	
	2	Thi công cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	1 mốc		2	
	3	Lập hồ sơ sản phẩm phục vụ kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao mốc giới	1 mốc		1	
	4	Cập nhật, bổ sung mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước sau khi bản đồ địa chính được thành lập	1 mốc		1	
2. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị						
Bảng số 17						

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN						THUYẾT MINH
	STT	Danh mục thiết bị	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (1 mốc)		
					Ngoại nghịệp	Nội nghịệp	
	1	Điều hòa 2 chiều 12000 BTU - 2,2 kW	Bộ	96		0,50	
	2	Máy Fax - 0,06 kW	Bộ	60		0,10	
	3	Máy hút ẩm - 0,06 kW	Cái	60		0,10	
	4	Máy in A4 - 0,5 kW	Cái	60		0,10	
	5	Máy in màu A3 - 0,5 kW	Cái	60		0,10	
	6	Máy Scan A4 - 0,02 kW	Cái	60		0,10	
	7	Máy Scan A3 - 0,5 kW	Cái	60		0,10	
	8	Máy tính - 0,6 kW	Cái	60		0,60	
	9	Máy in màu A0 - 0,8 kW	Cái	60		0,10	
	10	Máy Photocopy - 1 kW	Cái	96		0,10	
	11	Máy tính xách tay - 0,04 kW	Cái	60	1,50		
	12	Máy GPS cầm tay	Cái	96	0,80		
	13	Ô tô bán tải	Cái	180	2,00		
3. Định mức dụng cụ lao động							
Bảng số 18							
STT	Danh mục dụng cụ	ĐVT	Thời hạn (tháng)	Định mức (1 mốc)			
				Ngoại nghịệp	Nội nghịệp		
1	Ba lô	Cái	36	3			
2	Bàn làm việc	Cái	96		3,6		
3	Bình đựng nước uống	Cái	96	3			

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN						THUYẾT MINH
	4	Giày BHLĐ	Đôi	36	5		
	5	Mũ BHLĐ	Cái	36	5		
	6	Quạt điện cây - 0,06 kW	Cái	60		0,5	
	7	Quần áo BHLĐ	Bộ	36	5		
	8	Quần áo mưa	Bộ	36	2,00		
	9	Thiết bị đun nước - 0,7 kW	Cái	60		0,25	
	10	Tủ đựng tài liệu	Cái	96		1	
	11	Ủng BHLĐ	Đôi	24	2,00		
	12	USB	Cái	24	0,38	0,75	
	4. Định mức tiêu hao vật liệu						
	Bảng số 19						
	STT	Danh mục vật liệu	ĐVT	Định mức (1 mốc)			
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp		
1	Băng dính giấy màu 5cm	Cuộn		0,10			
2	Bìa kính A4	ram	0,01	0,03			
3	Bút bi	hộp	0,40	0,25			
4	Bút chì	hộp	0,20	0,25			
5	Bút nhớ dòng	hộp		0,15			
6	Ghim dập	Cái		0,25			
7	Ghim vòng	Hộp		0,15			
8	Giấy A3	ram	0,01	0,03			
9	Giấy A4	ram	0,02	0,10			

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN					THUYẾT MINH
	10	Hộp đựng tài liệu	cái		1,00	
	11	Mực in A3 Laser	Hộp		0,01	
	12	Mực in A4 Laser	Hộp		0,03	
	13	Mực photocopy	Hộp		0,01	
	14	Pin 1.5V	viên	1,00	-	
	15	Sổ ghi chép	quyển		0,15	
	16	Sổ Nhật ký	quyển	0,20	-	
	5. Định mức tiêu hao năng lượng					
	Bảng số 20					
	STT	Danh mục năng lượng	ĐVT	Định mức (1 mốc)		
				Ngoại nghiệp	Nội nghiệp	
	1	Điện năng	kW	0,50	16,88	
	6. Định mức tiêu hao nhiên liệu					
	Bảng số 21					
STT	Danh mục	ĐVT	Định mức (1 mốc)			
1	Dầu diesel	Lít	1,72			